

ĐỌC TRUYỆN NGẮN VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI DƯỚI GÓC NHÌN BIỂU TƯỢNG

(Khảo sát một số biểu tượng tiêu biểu)

*ThS. Trần Thị Tươi**

1. Biểu tượng và vấn đề nghiên cứu biểu tượng ở Việt Nam

Nếu ngôn ngữ giúp con người hiểu nhau thông qua khả năng tri nhận trực tiếp của các giác quan thì biểu tượng có khả năng kết nối con người ở nhiều thời đại, nhiều vùng văn hóa, nhiều nền văn minh với nhau. Nói con người sống trong một thế giới biểu tượng quả không sai, nhưng chính xác hơn phải hiểu rằng, một thế giới biểu tượng đang sống trong mỗi chúng ta. Đó là thế giới đã được tạo tác, và đang được tạo tác. Bởi vậy, cùng với thời gian, hệ thống biểu tượng như ngày một giàu có, phong phú thêm. Nói về vai trò của biểu tượng, nhà từ điển học Jean Chavalier từng khẳng định: "*Thời đại không có biểu tượng là thời đại chết. Một nền văn minh không có biểu tượng thì sẽ chết, nó chỉ còn thuộc về lịch sử*"¹.

Thuật ngữ *biểu tượng* (*symbol* trong tiếng Anh) có nguồn gốc từ ngôn ngữ cổ châu Âu (*symbolus* trong tiếng La Mã, và *symbolon* trong tiếng Hy Lạp). Có rất nhiều khái niệm khác nhau xoay quanh thuật ngữ này, tuy nhiên tất cả cùng có chung một cách hiểu *biểu tượng là dạng thức dùng cái này để chỉ các khác, dùng một hình ảnh cụ thể để nói lên một ý niệm trừu tượng*. Nói như C.G.Liungman

* *Khoa Việt Nam học, Trường ĐHKHXH và NV, ĐHQG TP. Hồ Chí Minh.*

1. Jean Chevalier, Alain Gheerbrant, *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*, Nxb Đà Nẵng, 2002.

thì "những gì được gọi là biểu tượng khi nó được một nhóm người đồng ý rằng nó có nhiều hơn một ý nghĩa là đại diện cho chính bản thân nó" (C.G.Liungman, *Từ điển biểu tượng*, 1991, tr.25). Một trong những đặc điểm quan trọng cần kể đến ở biểu tượng đó là sự tồn tại đồng thời hai thuộc tính *bất biến* và *khả biến*. Hai thuộc tính này tưởng chừng mâu thuẫn nhưng thực chất chúng lại tương hỗ nhau. Cùng một biểu tượng nhưng ở nền văn hóa, tôn giáo này nó có thể mang ý nghĩa khác so với nền văn hóa khác, tôn giáo khác. Trong khi yếu tố bất biến mang lại cho biểu tượng *tính ổn định, giá trị công thức* thì yếu tố khả biến lại mang đến cho biểu tượng *sự linh hoạt và tươi mới*.

Mỗi lĩnh vực khoa học cũng như văn hóa nghệ thuật có một hệ thống biểu tượng riêng. Do đó, khi tiếp cận thế giới biểu tượng, một mặt cần đặt chúng trong tương quan của từng lĩnh vực cụ thể, mặt khác cần khai thác biểu tượng theo hướng tiếp cận liên ngành. Thực tế ở Việt Nam, theo các nhà nghiên cứu, các chuyên ngành nghiên cứu biểu tượng vẫn "*chưa được công nhận như một bộ môn khoa học độc lập*"¹, trong khi đó khá nhiều trường đại học trên thế giới đã đi vào nghiên cứu biểu tượng theo hướng "*chuyên môn hóa*". Việc tìm hiểu biểu tượng trong đời sống văn học không chỉ giúp ta cảm thụ tác phẩm ở phương diện nghệ thuật biểu đạt mà còn giúp ta hiểu được chiều sâu văn hóa cũng như tâm lý sáng tạo của một cộng đồng, một dân tộc. Cùng với thời gian, hệ thống biểu tượng không ngừng mở rộng, đồng thời trong quá trình giao thoa văn hóa, bên cạnh những biểu tượng vốn có, một loạt những biểu tượng mới lần lượt được tiếp nhận và làm giàu có thêm cho đời sống văn hóa của mỗi cộng đồng.

Chọn truyện ngắn Việt Nam đương đại để khảo sát vì theo chúng tôi, trước hết, đây là giai đoạn có nhiều thành tựu và giá trị cũng như nhiều thách thức mới mẻ. Hàng loạt các cây viết như Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài, Y Ban, Võ Thị Hào, Hồ Anh Thái, Nguyễn

1. Đinh Hồng Hải, *Cấu trúc luận trong nghiên cứu biểu tượng: từ ký hiệu học đến nhân học biểu tượng*, <http://lyluanvanhoc.com/?p=7465>.

Thị Thu Huệ... đã cho thấy cảm hứng và sự tài hoa của mình trong việc tạo lập những biểu tượng đậm chất văn hóa. Không những thế, qua quá trình tìm hiểu chúng tôi nhận thấy bên cạnh việc thấu nhận và tái sử dụng biểu tượng, các nhà văn Việt Nam còn "phát giác" ở biểu tượng những năng lượng mới, tái hiện biểu tượng dưới một cảm quan mới. Cùng với quá trình tái tạo biểu tượng, luôn có một quá trình khác diễn ra song song, đó là quá trình "giải biểu tượng".

Việc tìm hiểu biểu tượng trong văn học, bản thân nó không mới, nhưng tìm hiểu biểu tượng một cách có hệ thống, ở một giai đoạn văn học có nhiều nỗ lực đổi mới như văn học đương đại thì đến nay vẫn chưa có một công trình nghiên cứu chuyên sâu nào. Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi chỉ xin đi vào hai biểu tượng mà chúng tôi cho là có sức ám ảnh lớn trong truyện ngắn Việt Nam đương đại, đó là biểu tượng "nước" và "lừa".

2. Một số biểu tượng trong truyện ngắn Việt Nam đương đại

Với truyện ngắn Việt Nam đương đại, biểu tượng trở thành một thành tố trong tư duy nghệ thuật, và không chỉ dừng lại ở đó, đôi khi nó còn đóng vai trò như một nhân vật góp phần thúc đẩy diễn tiến của tác phẩm. Trong bài viết này, chúng tôi chỉ xin dừng lại ở hai biểu tượng mà theo chúng tôi, chúng đã tạo ra một sức ám ảnh đặc biệt cho truyện ngắn Việt Nam đương đại, đó là biểu tượng *nước* và *lừa*.

2.1. Biểu tượng "nước"

2.1.1. Nước và ý nghĩa biểu tượng

Không phải ngẫu nhiên mà mọi nền văn minh cổ đại đều được khai sinh bên dòng sông. Và cũng không phải ngẫu nhiên những bộ Thánh kinh đồ sộ nhất của nhân loại đều vang lên những lời ngợi ca dòng nước. Từ Kinh Veda (suối nguồn văn minh Ấn Độ, cội gốc của giới Bà La Môn) cho đến *Cựu ước*, *Tân ước* của người Do Thái giáo và Kitô giáo đều không ngừng ngợi ca vẻ đẹp của dòng nước. Những cuộc gặp gỡ quan trọng trong *Kinh thánh*

thường diễn ra bên giếng nước. Nước lưu giữ những điều linh thiêng, những hoan lạc kỳ thú. Hành trình của người Do Thái tìm về miền đất hứa cũng là hành trình tìm đến dòng nước thiêng - nước thanh tẩy.

Ý nghĩa tượng trưng của nước thường xoay quanh ba chủ đề chính: "*nước - nguồn sống, nước - phương tiện thanh tẩy, và nước - trung tâm tái sinh*"¹. Đây là ba chủ đề thường xuyên được đề cập đến trong các truyền thuyết, huyền thoại cổ, từ đó hình thành những lớp kết cấu ý nghĩa bền vững.

Người châu Á xem nước là biểu tượng của sự sống, sự sinh sôi nảy nở. Và vì nước mang trong nó "*sự hiền minh, không chứa đựng sự tranh chấp, nước tự do và không hề bị ràng buộc, tự để mình chảy trôi theo chiều dốc của mặt đất*"² nên nó được xem là "*công cụ thanh tẩy*" trong nghi lễ của nhiều tôn giáo khác nhau trên thế giới (Đạo giáo, đạo Hồi, Kitô giáo, Ấn Độ giáo). Cùng với tính năng thanh tẩy, nước còn mang trong nó sức mạnh tái sinh, sức mạnh của sự bất tử. Sức mạnh ấy ẩn chứa dưới lớp vô thức và là sức mạnh không định hình của tâm hồn. C.G. Jung cho rằng: "*nước là biểu tượng phổ biến nhất dành cho vô thức*", và về phương diện tâm lý học "*nước là tinh thần đã trở thành vô thức (...). Nước là trần thế và hữu hình, nó cũng là chất lỏng của cơ thể bản năng tính, máu và là dòng lưu chuyển của máu, là mùi của thú tính, tính nhục dục mạnh với đam mê*"³. Cũng như Jung, G. Bachelard đã có những phút giây chiêm nghiệm sâu lắng với nước. Ông cho rằng "*trong bề sâu của mình, con người đã có định mệnh của nước đang chảy*"⁴. Khi thịnh nộ, nước chuyển từ âm (*êm đềm/nữ tính*) sang

1. Jean Chevalier, Alain Gheerbrant, *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*, Sđd, tr.709.
2. Jean Chevalier, Alain Gheerbrant, *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*, Sđd, tr.710.
3. Đào Ngọc Chương, *Phê bình huyền thoại*, Nxb Đại học Quốc gia, TP.Hồ Chí Minh, 2008, tr.93.
4. S.Freud - C.G.Jung - G.Bachelard - G.Tucci - V.Dunde, *Phân tâm học và văn hóa nghệ thuật*, (nhiều người dịch), Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội, 2000, tr.273.

dương (*dữ dội/nam tính*). Nước mang trong nó số phận, dáng vóc, tâm hồn và giọng nói. Và như vậy, nước được khám phá và nhận diện chẳng khác nào một nhân vật, một con người.

Trong tâm thức người Đông Nam Á nói chung, cũng như người Việt Nam nói riêng, nước có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, gắn liền với văn minh lúa nước. Rất nhiều nghi thức và nếp sinh hoạt văn hóa diễn ra bên sông. Ký ức về nước, với họ, thường đi liền với những câu chuyện cổ, những truyền thuyết, huyền thoại linh thiêng về các vị thần. Nước mang lại sự sống tốt tươi, nhưng nước cũng chứa đựng trong nó cái uy lực khiến người ta khiếp đảm, nước có khả năng nhấn chìm tất cả (lũ lụt, sóng thần...). Cũng từ đó mà xuất hiện văn hóa sùng bái nước và những lễ hội nước...

Về mặt từ nguyên, ở nước ta, ngoài việc chỉ một dạng vật chất, nước còn kết hợp với đất làm nên khái niệm "*đất nước*" - chi phạm vi lãnh thổ. Nằm trong trường nghĩa này còn có *giang sơn, sơn hà, nước non*... Với người Việt, nước không chỉ gắn với ý niệm *khởi nguyên* mà nó còn là những gì thân thiết, ruột thịt... Và như một lẽ tự nhiên, nước trở thành một phần kí ức, ăn sâu vào tiềm thức mỗi người.

2.1.2. Biểu tượng "nước" trong truyện ngắn Việt Nam đương đại

Văn học dân gian Việt Nam ngay từ buổi đầu đã lưu giữ không ít câu chuyện về nước, có thể kể đến như sự tích *Quả bầu mẹ, Đẻ đất đẻ nước, Con rồng cháu tiên, Sơn Tinh Thủy Tinh, Trương Chi, Mỵ Châu Trọng Thủy*... Qua quá trình khảo sát, chúng tôi nhận thấy rằng, văn học Việt Nam nói chung cũng như truyện ngắn đương đại Việt Nam nói riêng, biểu tượng nước vô cùng sống động. Ở đó, "nước" vừa thoát thai từ tâm thức dân gian, vừa mang trong mình hơi thở cuộc sống hiện đại. Điều đặc biệt là, không chỉ dừng lại ở vai trò như một thành phần phụ mang tính điểm xuyết, nước còn được các nhà văn tái hiện như một sinh thể sống động trong tác phẩm, dưới nhiều dạng thức khác nhau, có khi dưới dạng *mưa, sương*, lại có khi dưới dạng *sông, hồ, đầm, biển*.

Nếu ở văn chương trung đại, *mưa* xuất hiện một cách "tiết chế" và "*chưa phải là nhân vật*"¹, thì đến văn học hiện đại, cùng với một số hình tượng khác, *mưa* đã làm nên những vũ điệu đầy ám ảnh. Đó là những cơn mưa thu âm ào chốn rừng núi như dấu hiệu của điềm bất thường (*Cơn mưa hoa mận trắng*/Phạm Duy Nghĩa); là cơn mưa khát khao yêu thương ở người con gái mù lòa (*Làn môi đồng trinh*/Võ Thị Hảo). Mưa mở ra câu chuyện huyền bí, huyền hoặc về người con gái thủy thần để một đời Chương rong ruổi tìm kiếm (*Con gái thủy thần*/Nguyễn Huy Thiệp). Mưa là điềm báo cho một tai họa chết chóc (*Giọt máu*/Nguyễn Huy Thiệp). Mưa là chứng nhân cho câu chuyện tình cảm động giữa Nguyễn Trãi và Nguyễn Thị Lộ: "*Hôm Nguyễn ngó lời cầu hôn, trời mưa như trút. Đồn rằng hôm ấy có rồng bay trên sông Cái*" (*Nguyễn Thị Lộ*/Nguyễn Huy Thiệp). Mưa như xoa dịu đất trời và lòng người: "*Ra khỏi thung lũng, ông Diều đi xuống cánh đồng. Mưa xuân dịu dàng nhưng rất mau hạt. Ông cứ trần trồng như thế, cô đơn như thế mà đi. Chỉ một lát sau, bóng ông nhòa vào màn mưa*" (*Muối của rừng*/Nguyễn Huy Thiệp). Mưa xối xả như cuốn đi mọi đắng cay mặn chát ở đời: "*Mưa như roi quất, tàn bạo, hung hãn. Mây đen cuộn cuộn, gió giật liên hồi rồi mưa như những thác nước trên cao đổ xuống ào ào. (...) Rồi mưa cùng với thời gian sẽ xóa đi thời, xóa hết/Xóa tất cả, rủa đi tất cả*" (*Mưa Nhã Nam*/Nguyễn Huy Thiệp). Đến với Nguyễn Huy Thiệp, *mưa* thực sự trở thành những nhân vật sống động trên trang viết. Thế giới của *mưa* thường là thế giới của những âu lo và xô lệch. Mưa như một vũ khúc đủ mọi cung bậc, khi sâu lắng, u huyền, khi ào ạt, dữ dội. Dưới những màn mưa ấy cuộc đời con người cứ thân nhiên phơi bày, đôi khi vô tình và tàn nhẫn.

Là nước trong dạng thức chuyển động không ngừng, *biển* tượng trưng cho sự bấp bênh đầy hoài nghi. Biển luôn phát huy thuộc tính thần thánh của nó là cho đi và lấy lại sự sống. Biển hủy diệt và tái sinh.

1. Nguyễn Thị Thanh Xuân, "Phê bình cổ mẫu và cổ mẫu nước trong văn chương Việt Nam" trong *Nghiên cứu văn học Việt Nam những khả năng và thách thức*, Tuyển tập chuyên khảo do Viện Harvard - Yenching tài trợ, Nhiều tác giả, Nxb Thế giới, 2009.

Ở nước ta biểu tượng *biển* xuất hiện sau *Đẻ đất đẻ nước*, huyền thoại *Con Rồng cháu Tiên*, truyền thuyết *Sơn Tinh Thủy Tinh*, *My Châu Trọng Thủy*... Biển cho con người sức mạnh, và cũng là nơi trở về sau cõi trần gian. Lạc Long Quân từ biển mà lên, để lại dòng máu Lạc Hồng rồi lại trở về với biển. An Dương Vương cũng nhờ biển mà xây dựng cơ đồ (hai lần được thần Kim Quy giúp đỡ), để rồi khi rơi vào bước đường cùng một lần nữa biển lại rẽ sóng đón ông trở về. Nhưng đến truyền thuyết *Sơn Tinh Thủy Tinh* thì biển lại trở thành biểu tượng của kẻ thất bại và phá hoại. Biển cũng là chứng nhân của tấn thảm kịch lịch sử (*My Châu Trọng Thủy*). Ký ức của dân gian về biển dường như luôn là ký ức buồn. Sóng gió. Và bất trắc.

Với văn chương hiện đại, biểu tượng *biển* một lần nữa được đánh thức trên các trang viết. Trong tác phẩm của Nguyễn Huy Thiệp, biển gắn liền với khao khát thoát khỏi môi trường sống u uất, tù đọng của làng quê. Biển thôi thúc, bồi hồi, giục giã bước chân Chương - chàng trai một đời rong ruổi kiếm tìm *con gái thủy thần*: "Trước mắt tôi dòng sông đang thao thiết chảy. Sông ra biển. Biển rộng vô cùng. Tôi chưa biết biển, mà tôi sống nửa cuộc đời rồi đấy. (...) Tôi đứng lên đi về nhà. Ngày mai tôi đi ra biển. Ngoài biển không có thủy thần"¹. Với nhà văn nữ Quế Hương, biển được đặt trong một trò tung hứng diễn ra trong tích tắc nhưng quyết định vận mệnh cả đời người (*Biển và người*). Chuyến ra khơi đầu tiên của Nục, bất ngờ gặp phải bão dữ, biển phẳng phẳng cuốn đi tất cả. Sau 72 giờ lênh đênh - đói khát trên nước, bóng râm dưới nắng, Nục được cứu sống. Người dân làng chài đón Nục trở về "như đón đứa con của Biển chứ không phải của Người" và lạ một điều là dù hỏi phục nhanh chóng nhưng một mảng tóc của Nục trở nên "trắng như muối, kết dính thành bòm, gội xả bằng nhiều thứ dầu gội vẫn thế". Người ta đến "lặng lẽ chạm tay vào bòm tóc muối của đứa con Biển như chạm vào nỗi đau và cá niềm hy vọng. Họ tin rằng làm thế, Biển sẽ cho họ trở về với cá mực đầy ghê". Là nguồn tài

1. Nguyễn Huy Thiệp, *Như những ngọn gió*, Nxb Văn học, 1995, tr.125.

nguyên vô tận nhưng biển cũng chắt chứa trong nó đầy sóng gió, bão tố. Đó là lý do vì sao con người tự ngàn đời vẫn giữ một niềm tôn kính và khiếp sợ trước biển.

Một trong những nhà văn say sưa với biển nhất, theo chúng tôi, đó là Ngô Tự Lập. Dường như khắp các trang sách của ông đều thấp thoáng bóng hình của biển cả và những con người đi ra từ biển. Biển là nguồn sống, là nơi chứa đựng cái thẳm sâu của lẽ sống. Biển chứng nhân cho sự chân thành, đồng thời cũng là nhân chứng lật tẩy cái ác... Trước biển, con người ta buộc phải đối diện với chính mình. Lật giở tập *Mộng du và những truyện khác*, ta có thể bắt gặp một loạt truyện "viết trên sóng nước" của Ngô Tự Lập (*Vĩnh biệt đảo hoang, Bão mùa lạc, Lửa trong lòng biển, Xác chết báo thù...*). Có lúc biển trở thành ranh giới chia cắt cha con người đàn ông bất hạnh với loài người (*Vĩnh biệt đảo hoang*); cũng có khi, biển hóa thân thành một vị quan tòa linh thiêng, đầy uy lực (*Xác chết trả thù*).

Không sóng gió, huyền bí như những trang viết của Ngô Tự Lập, trong cái nhìn của Phan Cung Việt, biển hiện lên với vẻ trình nguyên, mềm mại đến ngỡ ngàng (*Biển trình nguyên*). Với Võ Thị Hào, biển nhân hậu và bao dung; biển xoa dịu nỗi đau và có khả năng cứu chuộc (*Biển cứu rỗi*). Truyện một người lính trở về, nhưng số phận không dành cho anh một "nàng Tô Thị chờ chồng". Đón anh, là những đứa trẻ khác bố, không cha; là cái nhìn ngờ ngác của người vợ lạc loài. Đón anh, còn là nụ cười "hơi sứa", "đối chác" của đứa con gái mười lăm tuổi. Nụ cười "chào khách" của nó đã hát anh ra khỏi thế giới loài người. Anh tìm đến đảo hoang, sống trong cảm giác "góm ghiếc đàn bà" và cả đồng loại. Nhưng trong sâu thẳm tâm hồn người đàn ông ấy luôn là nỗi cô đơn khủng khiếp. Anh khát khao tiếng người. Anh soi mình trong gương để độc thoại với bóng. Khi sự may mắn của biển cả mang đến cho anh một người đàn bà làm bạn thì vì định kiến và ích kỷ, anh lại đẩy người ấy "chạy nhanh lên phía trước để hoàn tất số phận thê thảm của mình". Với người đàn bà khốn khổ ấy, khi mà cả thế giới loài người xa lánh, xua đuổi thì chỉ có biển là nhân ái ôm cô vào lòng,

xoa dịu những vết thương đau: *"Ba ngày sau, xác người đàn bà trôi dạt vào chân đảo đèn.(...) Và anh kinh ngạc trước sự cứu rỗi của biển. Khuôn mặt tàn tạ trước đây của người đàn bà ấy bây giờ đã giãn ra, thư thái, và không thể tin được, mang vẻ kiêu hãnh với đường viền mi khép hờ"*.

Có thể nói, với truyện ngắn đương đại biểu tượng biển đã thực sự tái sinh. Ở đó có lúc biển rờ ràng trong một sớm bình minh, lại có lúc cuộn trào những đợt sóng ngầm giận dữ, để rồi tất cả lại trở nên thẳm sâu, huyền hoặc khi màn đêm trở lại... Nhưng dù là gì đi nữa thì tình yêu đối với biển dường như không lúc nào thôi nồng nàn, da diết: *"Chúng kiến biển hiền, biển ác mà vẫn không oán, cứ yêu, cứ thấy chói lòa thứ ánh sáng trắng lệt rục rỡ của biển sớm, biển chiều"* (Biển và người).

Cùng với biểu tượng biển, sông cũng được các nhà văn đặc biệt quan tâm, và ở một mức độ nào đó sông đã trở thành một hình tượng nhân vật ám ảnh trong truyện ngắn Việt Nam đương đại. Từ khởi nguyên, sông đã bước vào huyền thoại để rồi làm nên những câu chuyện huyền bí và thơ mộng. Đó là dòng sông của những ân huệ trong truyền thuyết Do Thái; là dòng sông tẩy uế chảy ra từ mái tóc thần Shiva trong tín ngưỡng Hindu; là dòng sông Ngân Hà mỗi độ thu phân chàng Ngưu, nàng Chức gặp nhau; là dòng sông phân tách giữa mê - ngộ của bậc Thiên giả... Mỗi dân tộc, mỗi vùng văn hóa khác nhau lại có những huyền tích riêng về dòng chảy vắt ngang mảnh đất quê hương xứ sở họ. Người Hy Lạp cổ đại coi sông là đối tượng thờ cúng. Trước sông, họ luôn giữ thái độ tôn kính và sợ hãi. Còn với người Việt, sông thường gắn với cảm thức về quê hương, về những gì gần gũi, thân thuộc. Không gian mệnh mông, thời gian ngàn đời của sông thường được lấy để diễn tả tình yêu, tình người: *"Biển cạn, sông cạn, lòng qua không cạn/Núi lở non mòn, nghĩa bạn không quên"*; *"Sông dài cá lội biệt tăm/Phải duyên chồng vợ ngàn năm cũng chờ"*; *"Sông sâu sào vẫn khó dò/Kia kia con tạo đưa đò âm cung"* (Ca dao). Sông trở thành chứng nhân của bao chuyện tình huyền thoại. Đó là nơi chàng trai nghèo khó Chử Đồng Tử mưu sinh; cũng là nơi nàng công chúa

xinh đẹp Tiên Dung hồn nhiên du lãng (*Chữ Đổng Tử*). Cuộc gặp gỡ oái oăm giữa họ là một định mệnh. Sông trở thành cây cầu nối kết tình yêu của đôi trai gái "lệch chuẩn". Họ đã dũng cảm bước qua lằn ranh của lễ giáo để làm nên một cuộc tình tự do và hiện đại nhất trong lịch sử. Cũng có khi, sông trở thành dấu tích của những tấn bi kịch tình yêu. Ở đó là bi kịch của một chàng Trương quay quắt với mỗi tình đơn phương, là bi kịch của một nàng My Nương luôn mang trong mình ảo ảnh và khát khao về cái tuyệt đối (*Trương Chi*). Đó cũng là nơi Vũ Nương trầm mình, là nơi nàng và Trương Sinh tạo ngộ để rồi nhận ra sự chia cách thăm thẳm của hai cõi âm - dương... Giữa những con người ấy có một điểm gặp gỡ thú vị: họ xuất hiện bên sông và trở về với dòng sông. Nói như nhà nghiên cứu Đặng Anh Đào thì "*họ mượn mặt nước để thể hiện như một ảo ảnh, lần cuối cùng, trước người tình xưa*"¹.

Với truyện ngắn Việt Nam đương đại, sông không chỉ dừng lại ở ý nghĩa biểu tượng mà nó còn được các nhà văn khám phá như một hình tượng nhân vật, nếu bỏ đi, cấu trúc tác phẩm sẽ trở nên rời rạc, lỏng lẻo. Một trong những nhà văn dành cho sông sự ưu ái hơn cả phải kể đến Nguyễn Huy Thiệp. Dưới ngòi bút của ông, sông có khi khoác lên mình vẻ trầm mặc tự ngàn đời: "*Con sông bên nước mơ màng và buồn cô liêu, nửa như chờ đợi nửa như hờn dỗi*" (*Chảy đi sông ơi*)². Cũng có khi sông gắn với cảm thức về thời gian, về sự ngắn ngủi của kiếp người: "*Trước mặt tôi, dòng sông đang thao thiết chảy. Sông chảy ra biển. Biển rộng vô cùng*" (*Con gái thủy thần*)³. Sông trở thành biểu tượng của thử thách: "*... nước chảy bao giờ cũng xiết, có điều phải cố mà bơi cho đến được bờ*" (*Chảy đi sông ơi*)⁴. Sông cất giấu những câu chuyện huyền hoặc về con trâu đen, những bí ẩn về người con gái thủy thần. Sông cũng là

1. Đặng Anh Đào, *Việt Nam và phương Tây, tiếp nhận và giao thoa trong văn học*, Nxb Giáo dục, 2007, tr.31.

2. Nguyễn Huy Thiệp, *Như những ngọn gió*, Nxb Văn học, 1995, tr.7.

3. Nguyễn Huy Thiệp, *Như những ngọn gió*, Sđd, tr.125.

4. Nguyễn Huy Thiệp, *Như những ngọn gió*, Sđd, tr.11.

cái "hốc đen bí mật" khiến cuộc đời Trương Chi cuộn xoáy trong đó. Với Nguyễn Huy Thiệp, sông luôn phập phồng hơi thở, mỗi trang viết đều âm vang một dòng sông.

Người ta có thể hỏi vậy sông biểu tượng cho điều gì? Thật khó đưa ra lời giải đáp xác quyết cho câu hỏi ấy, bởi "mọi biểu tượng đều chứa đựng dấu hiệu bị đập vỡ, ý nghĩa của biểu tượng bộc lộ ra trong cái vừa là gãy vỡ vừa là nối kết những phần của nó đã bị vỡ ra"¹. Mặc định cho biểu tượng một ý nghĩa nhất định là con đường nhanh nhất đẩy biểu tượng đến sự khuôn sáo, nghèo nàn.

Với *Mùa hoa cải bên sông* Nguyễn Quang Thiều đưa ta đến một dòng sông lấp lánh ý nghĩa. Gia đình ông Lư sinh sống trên dòng sông, sông gắn với những buồn vui, đau khổ, với sự ghê lạnh gớm ghiếc của người đời. Khi người trên bờ xua đuổi gia đình ông như "xua đuổi một thứ ma quỷ gieo rắc cái chết"² thì chỉ có dòng sông đón họ vào lòng. Trên con sông ấy, ông từng vật vờ ôm xác vợ khóc suốt ba ngày đêm; từng lặn xuống tận đáy kiếm tìm cho người vợ bất hạnh một chốn yên nghỉ. Sông là chốn bình yên và cũng là dòng nước thanh tẩy: "Hãy để nước sông đêm cuốn đi mọi bản thù của mặt đất. Đừng chạm tay vào nước ông cho đến sáng mai"³. Đi qua những đau thương, người đàn ông ấy chọn cho mình một bến đậu an toàn - dòng sông.

Ở một góc nhìn khác, sông được tái hiện trong vẻ đẹp của tuổi xuân, căng tràn nhựa sống: "Chinh lớn lên khỏe mạnh, dịu dàng và âm vang như dòng sông"⁴. Sông là nhịp cầu nối Chinh với Thao - người đàn ông trên bờ. Sông là thế giới của âm áp, tươi vui, khi họ bên nhau. Nhưng nó cũng là chốn người ta cầm tù nhau trong những hận thù, định kiến, đúng như lời của Cát: "Một ông già độc

1. Jean Chevalier, Alain Gheerbrant, *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*, Sđd, tr.23.

2. Nhiều tác giả, *Truyện ngắn văn nghệ quân đội 1957-2007*, Nxb Thanh niên, 2003, tr.518.

3. Nhiều tác giả, *Truyện ngắn văn nghệ quân đội 1957-2007*, Sđd, tr.520.

4. Nhiều tác giả, *Truyện ngắn văn nghệ quân đội 1957-2007*, Sđd, tr.519.

đoán tự cho mình quyền ngự trị tất cả. Ông bỏ tù chính ông, bỏ tù một cặp đực cái, bỏ tù một thằng hèn hạ như tôi, bỏ tù cả con bé đẹp nhưng mù chữ. Tất cả ia đái xuống dòng sông rồi lại nói nước sông trong sạch, lấy nước sông ăn, lấy nước sông uống"¹. Và như vậy, nước từ vai trò là nguồn mạch sự sống đã trở thành "chất liệu của tuyệt vọng", là thứ "nước khép kín, mang cái chết trong lòng nó" (theo cách nói của Bachelard).

Hình tượng sông trong truyện ngắn đương đại được tái hiện dưới nhiều góc nhìn khác nhau. Có khi, đó là dòng sông "phá bung đê tràn ngang đồng ruộng" (*Bí ẩn của làn nước*), cũng có khi là dòng sông của yêu thương gọi hồn người trở về (*Bến trần gian*); là dòng sông nơi tiếng hát Trương Chi cất cánh và thăng hoa (*Tiếng trăng*)... Mỗi dòng sông, mỗi bến nước đều lưu giữ một bóng hình huyền thoại, để rồi bản thân nó trở thành một biểu trưng mang hồn văn hóa dân tộc.

Nằm trong hệ biểu tượng nước, biểu tượng *đầm, hồ, giếng* tiếp tục mang đến cho đời sống văn hóa cũng như văn học những ý nghĩa biểu trưng mới. Nếu người châu Âu xem *đầm* là biểu tượng của sự *tù đọng, bất động* và *lười biếng*, thì người châu Á lại nhìn thấy ở đó sự "hòa hợp và thỏa mãn, nguồn gốc của sự cường thịnh", là "trung tâm của thần linh"². Cùng với *đầm, hồ* cũng được xem là biểu tượng của "con mắt trái đất", là nơi "trú ngụ của thần linh", và *giếng* - tượng trưng cho sự linh thiêng thần thánh. Giếng được xem là "sự tổng hợp của ba cấp độ vũ trụ: trời, đất, địa phủ; của ba yếu tố: nước, đất, và không khí", và bởi vậy nó "tượng trưng cho sự dồi dào sung mãn và là biểu tượng của sự sống"³. Với người Do Thái cổ, đó là giếng nước của ân sủng, của sự sống - nơi Chúa Giêsu từng đưa cho người phụ nữ miền Semaria uống. Với

1. Nhiều tác giả, *Truyện ngắn văn nghệ quân đội 1957-2007*, Sđd, tr.521.

2. Jean Chevalier, Alain Gheerbrant, *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*, Sđd, tr.286.

3. Jean Chevalier, Alain Gheerbrant, *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*, Sđd, tr.361.

người Bambara xưa, đó là giếng nước của Tri Thức, của chiều sâu bí mật và sự tĩnh lặng. Về điểm này, tâm thức dân gian Việt Nam khá gần với tâm thức các vùng văn hóa, tín ngưỡng cổ xưa khác trên thế giới. Giếng nước là chốn nuôi dưỡng và chấp cánh cho những phép màu thần kỳ (*Tám Cám*); cũng là chốn kết thúc và tái sinh trong truyện tình cảm động *My Châu Trọng Thủy*. Giếng vừa như cát giấu trong nó những bí mật, vừa như một "*liệu pháp tinh thần*" xoa dịu nỗi đau (*ngọc - My Châu rửa giếng - Trọng Thủy sẽ trở nên vô cùng rực rỡ*).

Tìm hiểu truyện ngắn Việt Nam đương đại, chúng tôi nhận thấy dường như các nhà văn tỏ ra say sưa với nước ở dạng thức động (*mưa, biển, sông*) hơn nước ở dạng thức tĩnh (*hồ/đầm/giếng*). Phải chăng ở đây đã có một sự dịch chuyển về đời sống văn hóa. Văn hóa truyền thống của người Việt là văn hóa làng xã, với cây đa, giếng nước, sân đình. Giếng trở thành biểu tượng của "âm", là nơi lưu giữ cái hồn của xóm làng. Nó là nơi diễn ra những cuộc gặp gỡ, hẹn hò của nam thanh nữ tú, là nơi những lời hát đối đáp được ngân vang. Nhưng cùng với thời gian, sự phát triển của cuộc sống hiện đại đã khiến cho "giếng" mất dần đi vị trí của nó. Người ta dễ dàng tìm thấy những hình thái khác của nước (*sông, biển*), hơn là tìm về *giếng*, hay *hồ/đầm*. Thêm vào đó, một lý do khác phải kể đến đó là sự thay đổi về tư duy và cảm nhận thực tại trong văn học đương đại. Sự vận động không ngừng của cuộc sống hiện đại chỉ có thể được diễn tả qua những hình thái động của nước. Nhưng dù thế nào, nước vẫn không đơn thuần dừng lại với vai trò là một thực thể vật chất mà nó còn là một thực thể tâm linh, chứa đựng trong mình sự thần bí - tôn giáo.

Bằng con đường tìm hiểu hệ hình nước trong truyện ngắn Việt Nam đương đại có thể thấy rằng, biểu tượng này đã đi vào đời sống văn học theo một cách riêng. Ở đó, sự gắn kết các ý nghĩa biểu trưng (từ nước chết chóc đến nước tái sinh, nước thanh tẩy) đã làm nên hệ biểu tượng nước, và một lần nữa biểu tượng này được các nhà văn làm mới dưới góc nhìn như một nhân vật tham gia trực tiếp vào diễn tiến của truyện. Nước trở thành nhân vật giữ vai trò thúc đẩy sự phát triển của cốt truyện, thậm chí còn tạo nên những điểm

thất và mở nút trong truyện. Nước gọi lên cả một trường liên tưởng, mà ở đó hình thái *phi hình* hay *hữu hình* chỉ là một trong những phát lộ giữa vô vàn linh hiển khác nhau.

2.2. Biểu tượng "lửa"

Nếu như nước được cho là "đứa con của đất" vì nó rơi xuống thành mưa, thì lửa được cho là "*thuộc về trời*", vì nó cháy sáng và bốc lên. Lửa là cội nguồn của những sinh thể này mầm sự sống cách đây gần năm tỷ năm; là biểu tượng của sự linh thiêng thần thánh, đồng thời cũng là một phần trong bản thể con người. Cũng như nước, mỗi người đều cất giấu trong mình một "*định mệnh của lửa*".

2.2.1. Lửa và ý nghĩa biểu tượng

Ngay từ xa xưa, việc gìn giữ và bảo vệ "lửa thiêng" đã trải rộng từ La Mã cổ đại đến Ấn Độ, từ các quốc gia phương Đông đến phương Tây. Là một dạng vật chất, lửa mang trong nó những đặc tính đối lập: lửa vừa là sự tái sinh, vừa là sự hủy diệt, là hy vọng lẫn tuyệt vọng, là lửa yêu thương lẫn thù hận. Cùng với "nước", "lửa" trở thành một biểu tượng kép trong đời sống tôn giáo tín ngưỡng nhiều dân tộc trên thế giới. Người ta nhắc đến ngọn lửa Phục sinh của người Kitô giáo với niềm tin về sự chiến thắng và ngự đến của đấng cứu thế. Người ta cũng nhắc đến "lửa tam muội" - ngọn lửa ánh sáng và trí tuệ của Phật giáo, do nhập định mà phát ra. Đó là ngọn lửa có khả năng thiêu trừ mọi vọng tưởng, phóng chiếu con người về cõi cực lạc. Và người ta còn nhắc đến ngọn lửa Agni - vị thần của sự sống và tư duy trong các tôn giáo Ariãng ở châu Á.

Như mặt trời, bằng những tia sáng của mình, lửa mang lại sự sinh sôi, nhưng lửa cũng tàn phá và hủy diệt. Đó là ngọn lửa hóa ngục trong ngày phán xét; là ngọn lửa vô minh, lửa dục vọng trong mỗi con người. Nói về đặc tính đối lập của lửa, Mercéa Eliade cho đó là vì "*lửa có nguồn gốc có thể là thánh thần, có thể là ma quỷ*"¹,

1. Jean Chevalier, Alain Gheerbrant, *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*, Sdd, tr.547.

còn G.Bachelard thì cho đó là vì lửa mang trong nó sức mạnh "toàn năng", nó là "hiện tượng duy nhất có thể tiếp nhận rõ rệt như thể cả hai mặt giá trị đối lập: cái tốt và cái xấu"¹.

Người Ấn Độ tôn thờ ngọn lửa và tin vào sự công minh của vị thần này. Bởi vậy, không ngạc nhiên khi những bộ sù thi đồ sộ của xứ sở tâm linh ấy luôn xuất hiện hình bóng của lửa. Đặc biệt, kể từ khi Sita bước lên giàn hỏa thiêu; kể từ khi ngọn lửa không thiêu đốt nàng mà chỉ khiến nàng thêm xinh đẹp lộng lẫy; lửa đã trở thành chứng nhân của tình yêu và sự bất tử. Lửa ngự trị trong đền thờ. Lửa có mặt trong lời kinh cầu nguyện. Lửa xuất hiện trong lễ thụ pháp, giáo huấn. Thế giới của lửa là thế giới trải rộng từ chốn linh thiêng, huyền bí, đến gần gũi, đời thường. Từ cõi thâm trầm, tịch lặng, lửa bước vào những buổi hội hè náo động. Một trong những lễ hội được cho là phổ biến nhất từ thời nguyên thủy, đó là lễ hội tạo ra lửa thông qua hoạt động cọ xát hai thanh gỗ với nhau. Cho đến nay, những lễ hội lửa vẫn tiếp tục được nhiều dân tộc trên thế giới duy trì.

Với người Việt, lửa là biểu tượng của sự sung túc. Tục thờ Táo quân (ba ông đầu rau) có thể xem là một hình thức khác của tục thờ lửa, gửi gắm mong ước về cuộc sống gia đình ấm no, hạnh phúc.

2.2.2. Biểu tượng "lửa" trong truyện ngắn Việt Nam đương đại

Là biểu tượng của lòng tham và tội ác, có khi lửa hé mở những điếm bất thường, cũng có khi lửa cảnh báo về hình phạt khủng khiếp mà kẻ tội lỗi sẽ phải lãnh nhận. *Giọt máu* của Nguyễn Huy Thiệp mở đầu bằng việc Phong bỏ nghề mổ lợn gia truyền ra Hà Nội làm báo, và kết thúc bằng cơn ác mộng của Phong: "Đang nằm Phong mơ thấy mình lạc vào địa ngục. Một cái vạc to lửa cháy bùng bùng, những con quỷ da xoa mặt đen, tóc dài đang chụm cùi đụn. Trong vạc, những người bị xiềng xích rên la thảm thiết²". Sau

1. S.Freud - C.G. Jung - G. Bachelard - G. Tucci - V. Dundee, *Phân tâm học và văn hóa nghệ thuật*, Sđd, tr.96.

2. Nguyễn Huy Thiệp, *Như những ngọn gió*, Sđd, tr.180.

giấc mơ và lời trần trối, Phong "*nấc lên mấy cái*" rồi chết. Khép lại truyện là hình ảnh một khu mộ hoang phế mỗi mùa nước lớn và cánh dòng họ Phạm gần như tuyệt tự. Dưới ngòi bút của Nguyễn Huy Thiệp, cuộc sống luôn được tái hiện ở phía trần trụi nhất. Sự tham lam và ích kỷ, toan tính và thù đoạn luôn được ông lạnh lùng lật tẩy. *Vàng lừa* là câu chuyện về cuộc săn tìm vàng của Phăng và nhóm người châu Âu, dưới triều vua Gia Long. Ở đó, người đọc không chỉ bắt gặp những mảnh khốc chính trị mà còn chứng kiến cả sự tàn bạo giữa người với người. Vàng làm Phăng lóa mắt. Nó khiến y bỏ mặc người cùng đoàn trong cơn sốt rét cho đến chết rồi ném xác xuống sông. Vàng khiến y sẵn sàng rút súng bắn sả vào nhóm thổ dân vô tội... Tội ác của y đã bị báo ứng ngay trong đêm hôm đó. "*Khoảng nửa đêm, lửa bốc cháy dữ dội xung quanh lều. Những mũi tên tẩm thuốc độc ở đâu bắn đến như mưa (...) Lửa nóng quá. Trước mặt, sau lưng, trên trời, dưới đất, đâu đâu cũng thấy lửa cháy rừng rực*"¹. Đó là ngọn lửa công minh, ngọn lửa thù vàng, là ngọn lửa của thiện - ác.

Cũng như nước, lửa tồn tại dưới nhiều dạng thức khác nhau - khi âm ỉ, lúc dữ dội; khi âm áp, lúc cháy bùng; khi hiền hòa, lúc sôi sục giận dữ. Cuộc vật lộn chống lại những xung năng tính dục trong con người thường được ví với cuộc vật lộn chống lại ngọn lửa. Trở lại với truyện ngắn đương đại Việt Nam, ta có thể bắt gặp ngọn lửa ấy trong tác phẩm *Người chờ sấm* của Lê Thanh Tùng, *Hải đường tăng* của Trần Thùy Mai. Điều đặc biệt là ở những tác phẩm này, lửa không chỉ được tái hiện trong khoảnh khắc mà nó theo dọc suốt chiều dài tác phẩm và có vai trò không thể thiếu trong sự hình thành cốt truyện.

Đôi khi, lửa còn là biểu tượng của niềm kiêu hãnh, nó xóa bỏ mọi ô uế, tạp niệm, thanh lọc tâm hồn con người. Với *Sông cạn*, Hồ Anh Thái đưa ta đến một không gian đậm chất huyền thoại. Ở đó lửa đi ra từ cảm hứng lãng mạn, cổ điển và mang theo âm hưởng của truyền thống văn hóa Ấn Độ. Đó là ngọn lửa *kiêu hãnh* và cũng

1. Nguyễn Huy Thiệp, *Như những ngọn gió*, Sđd, tr.299.

là ngọn lửa *tấy uế*. Năm 1535, vua Bahadur Shah từ vùng Gujarat đến vây hãm thành Chittor, quân trong thành phải chịu thất thủ, và thảm họa đã xảy ra với 32.000 dũng sĩ đẳng cấp Rajput: họ mở công thành lao ra cầm tù, trong khi 13.000 phụ nữ và trẻ em tự sát trên một giàn thiêu tập thể. Nhưng cho đến phút cuối cùng, những con người ấy vẫn hiện lên như những tượng đài sừng sững với tinh thần anh dũng, quả cảm.

Không còn là biểu tượng của tội lỗi và dục vọng, lúc này lửa trở thành biểu tượng của sự kiêu hùng - màu mà toàn bộ tướng sĩ đã khoác lên trong trận cầm tù - những tấm áo màu vàng nghệ - "*màu tượng trưng cho lửa*". Ở đó, lửa vừa mở ra một không khí bất thường - không khí chờ đợi và chuẩn bị cho một sự hủy diệt tập thể, đồng thời lửa cũng là điểm thắt nút của toàn bộ câu chuyện. Manju không nộp mạng. Cũng như bao phụ nữ khác trong thành, nàng dành những phút giây cuối cùng cho tình yêu và chọn cái chết trên giàn hỏa thiêu để bảo toàn sự trong sạch của mình: Manju "*vén cao tấm sari cho nó khỏi quấn vào chân mà chạy. Chạy và vấp ngã. Nàng phải chết trên giàn thiêu. Lửa sẽ hủy diệt và tiêu tan mọi uế tạp và ô nhục của cõi trần. Lửa thanh lọc cho con người. Nàng không thể chết vì những bàn tay như bần. Nàng chạy. Vấp. Ngã. Rồi chồm dậy chạy tiếp*". Từ ngọn lửa trên giàn hỏa thiêu của thần Hercule, ngọn lửa trên giàn hỏa thiêu của Sita (Ramayana) đến ngọn lửa mà Manju nhảy vào là cả một sức nặng truyền thống văn hóa Ấn Độ. Trong lửa, cái chết không còn là sự hủy diệt mà nó trở thành sự bất tử và thanh khiết.

Đặt trong tương quan với *nước*, có thể nói, *lửa* đã trở thành một biểu tượng kép trong tâm thức nhân loại. Nếu ở dạng thức cao nhất, nước hướng đến sự thanh tẩy và nhân từ; thì bằng ánh sáng của mình - lửa lại hướng đến chân lý, đến trạng thái thông tuệ. Lửa nồng nàn và dữ dội. Và với tâm thức vốn ưa sự bình lặng, hiền hòa của người Việt thì nước vẫn là một lựa chọn thường xuyên hơn. Phải chăng đó cũng là lý do khiến tần số xuất hiện của lửa trong truyện ngắn đương đại Việt Nam có phần khiêm tốn hơn so với nước?

3. Kết luận

Sự thay đổi của môi trường sống, điều kiện lịch sử khiến biểu tượng có thể mang những sắc thái ý nghĩa khác nhau. Tuy nhiên, ở mỗi biểu tượng đều lưu giữ những giá trị gốc, và tâm thức nhân loại từ ngàn đời nay vẫn xoay quanh cái trục văn hóa ấy. Tựa như sợi dây gắn kết con người ở nhiều vùng đất, nhiều xứ sở với nhau, biểu tượng tồn tại và không ngừng tái sinh cùng thời gian. Đọc truyện ngắn đương đại dưới góc nhìn biểu tượng một mặt giúp ta tiếp cận tác phẩm ở phương diện cách tân nghệ thuật, mặt khác giúp ta giải mã những bức màn bí ẩn chìm sâu dưới lớp trầm tích văn hóa.

Bằng sự kết hợp giữa sức mạnh đời sống tâm linh và cảm quan mới của thời đại, truyện ngắn đương đại Việt Nam trong những năm qua đã cho thấy một nỗ lực không ngừng trong việc cách tân nghệ thuật. Bài viết của chúng tôi mới chỉ dừng lại ở việc tiếp cận hai hệ biểu tượng mà chúng tôi cho là tiêu biểu nhất trong truyện ngắn Việt Nam đương đại. Vẫn có thể mở rộng hướng nghiên cứu này để tìm hiểu biểu tượng một cách có hệ thống trong truyện ngắn nói riêng và các sáng tác văn học nói chung. Đồng thời có thể đặt những biểu tượng ấy trong sự đối sánh với những biểu tượng thuộc nhiều nền văn hóa khác nhau trên thế giới để thấy được những nét tương đồng và dị biệt trong tâm lý sáng tạo của mỗi dân tộc.

Tài liệu tham khảo

1. Jean Chevalier (2002), Alain Gheerbrant, *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*, Nxb Đà Nẵng.
2. Đào Ngọc Chương (2008), *Phê bình huyền thoại*, Nxb Đại học Quốc gia, TP.Hồ Chí Minh.
3. Đinh Hồng Hải, *Cấu trúc luận trong nghiên cứu biểu tượng: từ ký hiệu học đến nhân học biểu tượng*, <http://lyluanvanhoc.com/?p=7465>.
4. Nhiều tác giả (2003), *Truyện ngắn văn nghệ quân đội 1957-2007*, Nxb Thanh niên.

5. Nhiều tác giả (2003), *Truyện ngắn Việt Nam thế kỷ XX (giai đoạn 1976-2000), Tập 1*, Nxb Kim Đồng.
6. Nguyễn Huy Thiệp (1995), *Như những ngọn gió*, Nxb Văn học.
7. Đặng Anh Đào (2007), *Việt Nam và phương Tây, tiếp nhận và giao thoa trong văn học*, Nxb Giáo dục.
8. S.Freud - C.G.Jung - G.Bachelard - G.Tucci - V.Dunde, (2000), *Phân tâm học và văn hóa nghệ thuật*, (nhiều người dịch), Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
9. Nguyễn Thị Thanh Xuân (2009), *Phê bình cổ mẫu và cổ mẫu nước trong văn chương Việt Nam*, trong *Nghiên cứu văn học Việt Nam những khả năng và thách thức*, Tuyển tập chuyên khảo do Viện Harvard - Yenching tài trợ, Nhiều tác giả, Nxb Thế giới.
10. Lê Ngọc Trà (2002), *Thách thức của sáng tạo, thách thức của văn hóa*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.
11. Trần Quốc Vượng (2003), *Văn hóa Việt Nam, tìm tòi và suy ngẫm*, Nxb Văn hóa dân tộc.
12. James George Frazer (2007), *Cành vàng*, Ngô Bình Lâm dịch, Nxb Văn hóa thông tin và *Tạp chí Văn hóa - Nghệ thuật*, Hà Nội.
13. Leonard Shlain (2010), *Nghệ thuật và Vật lý*, Trần Mạnh Hà và Phạm Văn Thiều dịch, Nxb Tri thức.